

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST**  
**Ngày: 20 - 02 - 2019**  
**“V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Bà Thạch Thị Yến Linh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1987 (có mặt)  
Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- ***Bị đơn:*** Nguyễn Thanh S, sinh năm 1985 (có mặt)  
Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Nguyễn Thanh S do quen biết, tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn luôn

bất hòa, cãi vã, anh S uống rượu về nhà có đánh đập chị nhiều lần, chị có khuyên để anh S thay đổi nhưng tính tình anh S không thay đổi nên chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2018 đến nay. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/11/2015 hiện chị T đang nuôi dưỡng nên yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết và số nợ phải thu, phải trả không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu nào khác.

*Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thanh S trình bày và có yêu cầu như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T chung sống có đăng ký kết hôn và quá trình sống chung có mâu thuẫn như trình bày của chị T nên chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2018 đến nay, anh S có tìm cách hàn gắn lại và hứa sửa đổi tính tình nhưng chị T không đồng ý. Nay anh S xác định còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung thông nhất trình bày của chị T, hiện con chung do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu kiên quyết ly hôn thì anh S yêu cầu được nuôi con mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh S đồng ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

#### **Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh S. Về con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/11/2015 đề nghị giao chị T được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không đề nghị xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm, đề nghị buộc chị T phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật:** Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh Nguyễn Thanh S; địa chỉ tại ấp N, xã M, huyện C nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Nguyễn Thanh S chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh S là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh S luôn bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2018 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được; anh S thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh còn thương chị T nên yêu cầu hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, sau khi chị T và anh S không còn chung sống với nhau đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng, anh S có tìm cách hòa giải để hàn gắn lại nhưng chị T không đồng ý và phía Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T.

**[3] Về quyền nuôi con:** Chị T và anh S xác nhận có một con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/11/2015 và chị T, anh S đều có yêu cầu được nuôi con.

Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên; xét thấy, chị T và anh S sau khi sống riêng thì con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, sức khỏe và tinh thần, mặc dù anh S có quan tâm đến con nhưng việc giao con chung cho anh S nuôi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của con. Do đó, Hội đồng xét xử, xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T mới đảm bảo được quyền lợi của con và phù hợp quy định pháp luật.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con:** Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nhưng chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Về tài sản chung của vợ chồng:** Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị T và anh S không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[6] Về số nợ phải thu, phải trả:** Chị T và anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Mộng T ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- **Về quyền nuôi con:** Giao chị Nguyễn Thị Mộng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/11/2015.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015748 ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**